

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022.

V/v “Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tường

- Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2022/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST –HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ-HPT ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1997, địa chỉ: 88/1 ấp QA, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng T2, sinh năm 1993, địa chỉ: 65/1 ấp QB, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Trần Thị Cẩm T1 trình bày:

Vào năm 2018 chị và anh T2 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; đến năm 2019 chị và anh T2 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/10/2019. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Trần Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/8/2020. Chị và anh T2 có tạo lập được tài sản chung là vàng và 02 con bò đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

Lý do chị yêu cầu ly hôn với anh T2: thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian chị sinh con chị và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T2 không quan tâm mẹ con chị nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Sự việc xảy ra gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không thành. Giữa chị và anh T2 đã không còn sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay. Thời gian chị và anh T2 không còn sống chung thì anh T2 ít tới lui thăm con và không phụ tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân chị nhận thấy chị không còn tình cảm với anh T2 và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh T2. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng cho chị .
- Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng; cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai ngày 18/11/2021 và trong quá trình tố tụng bị đơn Trần Trọng T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh đồng ý với lời trình bày của chị T1.

Lý do không còn sống chung: thời gian đầu anh và chị T1 chung sống hạnh phúc nhưng thời gian chị T1 sinh con thì giữa chị T1 và mẹ anh có xảy ra mâu thuẫn. Thời gian đó anh đi làm ở Sài Gòn nên không ở nhà thường xuyên; anh có khuyên chị T1 nhưng chị T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên anh, chị đã không còn sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay. Anh có nhiều lần yêu cầu hàn gắn tình cảm với chị T1 nhưng chị T1 không đồng ý. Gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không thành. Thời gian anh, chị không còn sống chung anh vẫn tới lui thăm con và mua sữa cho con chung.

Trước các yêu cầu của chị T1 anh có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị T1. Sau khi ly hôn anh không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng cho anh.
- Về con chung: anh đồng ý giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị T1 do hiện nay dịch bệnh anh không đi làm và không có thu nhập ổn định.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị T1 và anh T2 đã phát sinh mâu thuẫn. Chị T1 và anh T2 đã không còn sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay; mặc dù anh T2 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T1 và chị T1 cũng không đồng ý. Gia đình hai bên có hàn gắn cho chị T1 và anh T2 nhưng kết quả không thành. Khi ly hôn chị T1 có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/8/2020 và có yêu cầu anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng; cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Đồng thời có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Trọng T2 có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 65/1 ấp Quý Bình, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: chị Trần Thị Cẩm T1 và anh Trần Trọng T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/10/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T1 và anh T2 được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T1 xin ly hôn với anh T2 là do thời

gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian chị T1 sinh con chị T1 và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T2 không quan tâm mẹ con chị nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Sự việc xảy ra gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không thành. Giữa chị T1 và anh T2 đã không còn sống chung từ tháng 12/2020 cho đến nay. Thời gian chị T1 và anh T2 không còn sống chung thì anh T2 ít tới lui thăm con và không phụ tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân chị T1 nhận thấy chị T1 không còn tình cảm với anh T2 và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa. Anh T2 thừa nhận thời gian chị T1 sinh con thì giữa chị T1 và mẹ anh có xảy ra mâu thuẫn. Thời gian đó anh đi làm ở Sài Gòn nên không ở nhà thường xuyên; anh có khuyên chị T1 nhưng chị T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Anh T2 có nhiều lần yêu cầu hàn gắn tình cảm với chị T1 nhưng chị T1 không đồng ý. Gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không thành. Thời gian anh, chị không còn sống chung anh T2 vẫn tới lui thăm con và mua sữa cho con chung. Xét thấy: Hiện nay chị T1 và anh T2 không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh T2 không đồng ý ly hôn với chị T1 nhưng anh T2 không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T1 và chị T1 cũng không đồng ý. Từ những cơ sở nêu trên có đủ căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Trần Thị Cẩm T1 và anh Trần Trọng T2 có 01 con chung tên Trần Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/8/2020. Khi ly hôn chị T1 và anh T2 thống nhất chị T1 được trực tiếp nuôi con chung tuy nhiên anh T2 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị T1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con cosnghiax vụ cấp dưỡng cho con...*”. Do đó việc Chị T1 yêu cầu anh T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Trần Trọng T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Trần Trọng T2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trần Thị Cẩm T1 có quyền thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Do chị Trần Thị Cẩm T1 và anh Trần Trọng T2 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị T1 và anh T2 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị T1 và anh T2 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Trần Thị Cẩm T1 và anh Trần Trọng T2 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T1. Chị Trần Thị Cẩm T1 được ly hôn với anh Trần Trọng T2. Chị Trần Thị Cẩm T1 và anh Trần Trọng T2 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Cẩm T1 được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc Thảo M, sinh ngày 20/8/2020. Anh Trần Trọng T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng; cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Trọng T2 có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Trần Trọng T2 có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Trần Thị Cẩm T1 có thể thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị T1 và anh T2 tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T1 và anh T2 trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Cẩm T1 phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002939 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Chị Trần Thị Cẩm T1 được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0002938 ngày 10/11/2021.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Trọng T2 phải chịu 300.000 đồng

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Hòa Lợi;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tường-Lê Văn Tài

Nguyễn Thị Tư

